TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 17 - 9 - 2020.
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mai Xuân Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Độ.

Ông Nguyễn Mạnh Trường.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/9/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị C, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10/7/2020, bản tự khai, nguyên đơn chị Mai Thị C trình bày:

Chị và anh Vũ Văn T kết hôn ngày 05 tháng 9 năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường hạnh phúc nhưng từ năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Năm 2019 chị đã làm đơn xin ly hôn anh T, được Tòa án hòa giải chị rút đơn về đoàn tụ nhưng đến

nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị đề nghị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Vũ Thị Thùy L, sinh ngày 24/01/1998, Vũ Thúy Q sinh ngày 23/7/1999 và Vũ Minh Đ sinh ngày 16/10/2005. Hiện nay cháu L đã trưởng thành có việc làm tự lập, cháu Q đang học đại học năm thứ ba, cháu Đ đang ở với anh T và có nguyện vọng được ở với bố. Cháu L, cháu Q hiện nay đang sinh sống ở thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nên không đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình. Trao đổi qua điện thoại cháu Q không có quan điểm cụ thể là ở với chị hay anh T. Khi ly hôn chị nhất trí theo nguyện vọng của các con. Chị nhận trách nhiệm nuôi cháu Q ăn học đến khi có việc làm tự lập được và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng.

Tại bản tự khai anh Vũ Văn T có quan điểm như sau:

Về thời gian điều kiện kết hôn như chị C đã trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Nay chị C làm đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung như chị C trình bày ở trên. Hiện nay hai cháu lớn là Vũ Thị Thùy L, Vũ Thúy Q đã trưởng thành còn cháu Vũ Minh Đ đang chuẩn bị vào cấp III. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung và yêu cầu chị C cấp dưỡng tiền nuôi con đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị C và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T vì lý do sức khỏe anh xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa: Chị C vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại bản tự khai, chị xin được ly hôn với anh Vũ Văn T, đồng ý để anh T nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Minh Đ, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Đ là 1.500.000 đồng/tháng đến khi cháu trưởng thành tự lập được. Cháu Vũ Thị Thùy L, Vũ Thúy Q đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung công nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị C và anh T không đạt được. Năm 2019 chị C đã làm đơn xin ly hôn anh T nhưng được Tòa án hòa giải về đoàn tụ đến nay không thể hàn gắn được nữa. Đề nghị HĐXX áp dụng

các Điều 55 và Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Mai Thị C và anh Vũ Văn T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của anh Vũ Văn T. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung của chị C.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: Chị Mai Thị C phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tình cảm: Chị Mai Thị C và anh Vũ Văn T kết hôn ngày 05 tháng 9 năm 1997 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay chị C và anh T đều thống nhất không còn tình cảm đều có nguyện vọng ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được; HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị C và anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Vũ Thị Thùy L, sinh ngày 24/01/1998, Vũ Thúy Q sinh ngày 23/7/1999 và Vũ Minh Đ sinh ngày 16/10/2005. Hiện nay cháu Vũ Thị Thùy L đã trưởng thành tự lập được, Cháu Vũ Thúy Q đang học đại học năm thứ ba ở thành phố Vũng Tàu tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, chị C nhận trách nhiệm nuôi dưỡng và lo cho cháu Q ăn học đến khi cháu có việc làm và không yêu cầu giải quyết. HĐXX xét thấy cháu Q và cháu L đã đến tuổi trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

Cháu Vũ Minh Đ hiện đang ở với anh T và có nguyện vọng được ở với bố. Anh T có nguyện vọng nuôi cháu Đ và yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX chấp nhận nguyện vọng của anh T và cháu Đ, giao anh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Vũ Minh Đ, chấp nhận sự tự nguyện của chị C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian tính từ tháng 10/2020 đến khi cháu trưởng thành và tự lập được.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Mai Thị C phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí cấp dưỡng: Chị Mai Thị C phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị C và anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung tên Vũ Minh Đ sinh ngày 16/10/2005.

Chị Mai Thị C có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 10 năm 2020 đến khi con chung trưởng thành tự lập được.

Chị Mai Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn ; không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị C phải nộp 300.000 đồng.
- Án phí cấp dưỡng: Chị Mai Thị C phải nộp 300.000 đồng.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002176 ngày 10/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị C còn phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS. Chị Mai Thị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm (17-9-2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Mai Xuân Mạnh